

Số: 900/2020/QĐST-HNGĐ

Gò Vấp, ngày 07 tháng 8 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các Điều 212, 213, và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 718/2020/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 6 năm 2020 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Người yêu cầu: Chị Trần Thị Diễm K, sinh năm 1987; địa chỉ: Số X đường Y, Phường Z, quận G, Thành phố H.

- Người yêu cầu: Anh Lê Thanh V, sinh năm 1983; địa chỉ: Số X đường Y, Phường Z, quận G, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa chị Trần Thị Diễm K và anh Lê Thanh V là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 43, quyền số 1/2006 ngày 11/9/2006 của Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh Z.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 9/6/2020 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 30/7/2020, chị Trần Thị Diễm K và anh Lê Thanh V yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, về con chung chị Trần Thị Diễm K là người trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Lê Tấn D sinh ngày 16/10/2012. Anh Lê Thanh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thi hành tại Chi cục thi hành án có thẩm quyền từ tháng 8/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc chia tài sản chung.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, chị Trần Thị Diễm K và anh Lê Thanh V thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về việc không chia tài sản chung, việc trông nom, nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận chị Trần Thị Diễm K và anh Lê Thanh V thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 43, quyển số 01/2006 ngày 11/9/2006 của Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh Z hết hiệu lực.

- Về con chung: Chị Trần Thị Diễm K là người trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lê Tấn D sinh ngày 16/10/2012 đến tuổi trưởng thành.

Anh Lê Thanh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Thi hành tại Chi cục thi hành án có thẩm quyền từ tháng 8/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Lê Thanh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Trần Thị Diễm K và anh Lê Thanh V phải chịu lệ phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được cản trừ vào số tiền tạm nộp lệ phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai số: AA/2019/0026374 ngày 18/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp; đương sự đã nộp đủ lệ phí.

(Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q.Gò Vấp;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Chi cục THADS Q. Gò Vấp
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đỗ Nguyễn Hà Hải